

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 16/8/2019

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Thắm.

2. Ông Nguyễn Văn Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị D, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư số 9, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Khu T, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Tạ Tuấn C, sinh năm 1976.

Nơi ĐKKHKT: khu dân cư số 9, phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 3, Trại giam Hoàng Tiến- Cục C10- Bộ công an.

Chị D có mặt, anh C vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là chị Vũ Thị D trình bày: chị và anh Tạ Tuấn C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/01/2007 tại UBND xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh C ở xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Khoảng tháng 9 năm 2009, anh chị chuyển quê chị và thuê nhà ở khu T, phường B, thành phố C sinh sống. Từ thời điểm này, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cách nói chuyện, không nhường nhịn nhau, bản thân anh C hay chơi bời cờ bạc, không quan tâm tới con và gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí đánh nhau. Tháng 2 năm 2016, giữa anh C và anh trai của chị có mâu thuẫn nên anh C đã dùng dao chém, gây thương tích cho anh trai chị. Trong thời gian anh C bị tạm giữ, chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn vì muốn anh C định tâm lý trong quá trình Tòa án xét xử. Hiện nay anh C đang chấp hành án, chị có thăm gặp và nói chuyện với anh C về việc ly hôn. Từ tháng 9-2018 đến nay, chị không thăm gặp anh C nữa vì giữa anh chị không còn tình cảm gì. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Tạ Vũ Thu H, sinh ngày 08/8/2007 và Tạ Vũ Hoàng D, sinh ngày 16/7/2010. Hiện cả hai con đều ở cùng chị. Nếu vợ chồng ly hôn thì chị xin nuôi hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với công sức gia đình hai bên: anh chị không có nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án gặp anh C tại trại giam và thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng, lấy lời khai. Mặc dù Tòa án đã giải thích cho anh C hiểu rõ đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh C đã từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, từ chối ký vào các biên bản làm việc và không viết tự khai, không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Ông Vũ Xuân Q và bà Nguyễn Thị N là bố đẻ của chị D, đại diện khu dân cư số 9, khu dân cư T, phường B đều xác định: trong quá trình sinh sống, giữa anh C và chị D có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và đánh nhau. Những lần như vậy, ông Q, bà N cũng như đại diện khu dân cư đều được chị D phản ánh lại. Đầu năm 2016, anh C chém, gây thương tích cho anh trai của chị D nên anh C đã bị xét xử và đang phải chấp hành án tại trại giam. Hiện nay, chị D đang nuôi cả hai con và có công việc ổn định để đảm bảo việc nuôi dưỡng các cháu.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh C và giải quyết cho anh được nuôi dưỡng con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Tạ Tuấn C.

Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là Tạ Vũ Thu H, sinh ngày 08/8/2007 và Tạ Vũ Hoàng D, sinh ngày 16/7/2010 cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Chị Vũ Thị D khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Tạ Tuấn C có địa chỉ thường trú tại phường B, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh C đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/01/2007 tại UBND xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chịu nhường nhịn nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh C đánh đập chị. Tình trạng trên kéo dài khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề. Đầu năm 2016, giữa anh C và anh trai của chị D xảy ra cãi nhau nên đã bị anh C chém gây thương tích. Từ đó anh C bị tạm giam và hiện nay đang chấp hành bản án của Tòa án tại trại

giam. Trong thời gian này, thỉnh thoảng chị D có vào thăm gặp anh C nhưng từ tháng 9 năm 2018 đến nay chị đã không còn thăm gặp vì xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn. Anh C phải chấp hành án tại trại giam và không có ý kiến gì về việc chị D xin ly hôn nên vợ chồng không có điều kiện hòa giải, khắc phục mâu thuẫn. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Tạ Vũ Thu H, sinh ngày 08/8/2007 và Tạ Vũ Hoàng D, sinh ngày 16/7/2010. Hiện cả hai con đều ở cùng chị. Nếu vợ chồng ly hôn thì chị D xin nuôi hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con vì chị đang bán thuốc thú y với mức thu nhập ổn định trung bình là 10.000.000 đồng/tháng. Tại bản tự khai của mình, cháu H và cháu D cũng có nguyện vọng ở với chị D vì từ khi anh C bị bắt giữ, các cháu luôn ở với chị D. Hiện nay, anh C đang chấp hành án tại trại giam nên việc giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của chị, phù hợp nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Tạ Tuấn C
2. Về con chung: Xử giao con chung là Tạ Vũ Thu H, sinh ngày 08/8/2007 và Tạ Vũ Hoàng D, sinh ngày 16/7/2010 cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền

nuôi con. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0001189 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương, chị D đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã B, huyện A, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Ngọc Hà**